

Số: **94** /BC-UBND

Bình Định, ngày **05** tháng **6** năm **2019**

BÁO CÁO
Sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Thực hiện Quyết định số 460/QĐ-BTP ngày 22/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết và Văn bản số 1709/BTP-PLDSKT ngày 14/5/2019 của Bộ Tư pháp về việc đề nghị gửi Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; UBND tỉnh Bình Định báo cáo sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

Thực hiện Quyết định số 3176/QĐ-BTP ngày 28/11/2014 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 Kế hoạch phổ biến Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị mình đã chủ động xây dựng kế hoạch để triển khai Luật Hôn nhân và Gia đình. Chính vì thế, trong thời gian qua việc tổ chức triển khai, thực hiện được kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các quy định của Luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình đến cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh đã được các ngành, các cấp quan tâm triển khai, qua đó góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân về hôn nhân và gia đình.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành có nội dung quy định liên quan đến pháp luật về hôn nhân và gia đình, đề tham mưu, đề xuất kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ cho đảm bảo thống nhất và phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

II. ĐÁNH GIÁ SỰ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC

1. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có tác động tích cực đến việc đề cao vai trò của gia đình trong đời sống xã hội, giữ gìn và phát huy truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Luật đã góp phần xây dựng, hoàn thiện và bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

tình trạng đó, Nhà nước đã quy định cụ thể về việc áp dụng tập quán trong hôn nhân gia đình cũng như những phong tục, tập quán bị cấm áp dụng và cần phải được xóa bỏ, tại Khoản 4 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *"Tập quán về hôn nhân và gia đình là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình, được lặp đi, lặp lại trong một thời gian dài và được thừa nhận rộng rãi trong một vùng, miền hoặc cộng đồng"*. Tuy nhiên, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 chưa quy định rõ các tập quán lạc hậu nào cần bị cấm áp dụng hoặc bị xóa bỏ hay trước khi xóa bỏ thì cần có những giải pháp vận động thuyết phục như thế nào. Chưa đề cập vấn đề về chế độ tài sản của vợ chồng, nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tự nguyện trong giải quyết các mâu thuẫn giữa vợ chồng. Khi có mâu thuẫn trong hôn nhân, cần có phải đưa ra giải pháp ly thân để giảm sự căng thẳng, xung đột gay gắt giữa vợ và chồng, để các bên có thời gian suy ngẫm, đánh giá về tình cảm của vợ chồng, trách nhiệm với con cái và có thể sửa đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống.

- Chung sống như vợ chồng là việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng. Trường hợp này, các bên có đời sống chung như vợ chồng nhưng về thủ tục pháp lý thì chưa có đăng ký kết hôn nên quan hệ này sẽ không được pháp luật công nhận và sẽ không do pháp luật hôn nhân điều chỉnh. Đối với trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 thì công nhận họ là vợ chồng mà không cần điều kiện gì khác. Luật pháp không bắt buộc mà chỉ khuyến khích họ đi đăng ký kết hôn nên giả sử họ không đăng ký thì thực chất họ vẫn có mối quan hệ vợ chồng.

- Hủy kết hôn trái pháp luật là biện pháp xử lý đối với những trường hợp kết hôn vi phạm điều kiện kết hôn nhằm đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh Luật Hôn nhân và gia đình. Nhà nước không thừa nhận và phủ định đối với các trường hợp kết hôn trái pháp luật thông qua Tòa án. Khi có yêu cầu, Tòa án có quyền hủy việc kết hôn trái pháp luật.

+ Khi xem xét, giải quyết yêu cầu có liên quan đến việc hủy kết hôn trái pháp luật, Tòa án phải căn cứ vào yêu cầu của đương sự và điều kiện kết hôn, điều kiện công nhận quan hệ hôn nhân quy định tại Điều 8 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình để quyết định.

+ Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau: Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn; Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình.

nhân và gia đình năm 1959, năm 1986, năm 2000 và gần đây nhất là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng phải ghi tên cả hai vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thoả thuận khác. Trong khi đó, Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc cấp Giấy chứng nhận: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng thì phải ghi tên cả hai vợ chồng vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trừ trường hợp vợ và chồng có thoả thuận ghi tên một người; chẳng hạn như tại Thông tư số 15/2014/TT – BCA ngày 04/04/2014 của Bộ Công an về đăng ký xe, Điều 25 quy định: Xe là tài sản chung của vợ, chồng thì chủ xe tự nguyện khai là tài sản chung của vợ chồng, phải ghi đầy đủ họ tên, chữ ký của vợ, chồng trong giấy đăng ký xe.

Như vậy, đối với những tài sản có giá trị lớn, pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng, thì giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng, trong đó tài sản chung của vợ chồng sẽ được thể hiện cả tên vợ và chồng trên những giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng và khi thực hiện các quyền đối với những tài sản chung này thì phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng.

Đối với tài sản riêng của vợ, chồng. Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn, tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân, tài sản được chia riêng cho vợ, chồng do vợ, chồng thoả thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng.

- Quan hệ nhân thân là một trong các đối tượng điều chỉnh chủ yếu của pháp luật dân sự cũng như trong Luật hôn nhân và gia đình. Vì đây, là loại quan hệ mang tính xã hội sâu sắc, rộng lớn, phản ánh sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Một quan hệ pháp luật dân sự nói chung gồm ba yếu tố: chủ thể, khách thể và nội dung. Trong đó nội dung là yếu tố cơ bản nhất để phân loại quan hệ đó là quan hệ nhân thân hay tài sản. Nội dung của quan hệ pháp luật gồm các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ đó và các quyền về nghĩa vụ nhân thân thể hiện tính dân chủ, bình đẳng giữa vợ, chồng có nghĩa vụ yêu thương quan tâm chăm sóc, chung thủy ...và nghĩa vụ sống chung với nhau. Điều này thể hiện trước hết bởi những chuẩn mực đạo đức việc không thực hiện những chuẩn mực này thì sẽ bị xã hội lên án. Những chuẩn mực, quy tắc đạo đức đó được nâng lên thành luật thì mọi người đều có nghĩa vụ tuân thủ vi phạm thì sẽ bị xử lý kỉ luật. Như vậy, Pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014 đã quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau (trừ một số trường hợp) nếu có một bên vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế việc xử lý về vi phạm nghĩa vụ vợ chồng rất ít vì chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên dẫn đến khó khăn trong việc thực thi pháp luật.

động và không có tài sản để tự nuôi mình cũng được coi trọng, ngoài ra phải bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật hoặc theo giá trị, bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần giá trị chênh lệch. Việc thanh toán nghĩa vụ chung về tài sản của vợ, chồng do vợ, chồng thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi ly hôn, vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi (căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con), nếu con từ đủ bảy tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới ba tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, nếu như các bên không có thỏa thuận khác.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con và phải tính đến nguyện vọng của con, nếu con từ đủ chín tuổi trở lên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con và không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ có nghĩa vụ bảo vệ và chăm sóc con cái khi con chưa thành niên, chưa có tự khả năng lao động, và ngay cả khi đã thành niên nhưng bị tàn tật... đó là những gì mà không chỉ pháp luật quy định mà cả đạo đức con người cũng không cho phép lương tâm cha mẹ không thực hiện nghĩa vụ đó. Tuy nhiên, chỉ nuôi dưỡng, che chở con cái thôi, chưa đủ vì vậy pháp luật cần phải có những ràng buộc để người cha hay mẹ sau khi ly hôn vẫn là người cha người mẹ gương mẫu cho con noi theo và trách nhiệm cấp dưỡng cũng như nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đặt lên hàng đầu.

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo chính thức có hiệu lực đã được các cặp vợ chồng hiếm muộn rất quan tâm. Tuy nhiên, để đi vào cuộc sống cần thực tế thì cần có những điều chỉnh hợp lý hơn vì nếu chỉ cho đối tượng mang thai hộ là người trong phạm vi gia đình thì sẽ có rất nhiều người thiệt thòi, như những người không có chị em nào để nhờ mang thai hộ hoặc nếu có mà chị em đó không muốn mang thai hộ... Mặc dù, pháp luật đã cho phép “mang thai hộ”, nhưng đối với người nhờ mang thai hộ chỉ trên giấy tờ và nếu muốn quản lý chặt

phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết vụ việc liên quan đến hôn nhân và gia đình chưa chặt chẽ.

- Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ngoài những trường hợp chung sống như vợ chồng trái pháp luật như: người đang có vợ, có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, có chồng mà chung sống như vợ chồng với người đang có vợ có chồng, tảo hôn... Ngoài ra, còn có các trường hợp chung sống như vợ chồng không trái pháp luật như hai bên nam nữ chung sống như vợ chồng không vi phạm điều cấm, hai người đồng tính chung sống với nhau như vợ chồng.... Đối với quan hệ chung sống giữa những người cùng giới là loại quan hệ đặc biệt, việc giải quyết hậu quả pháp lý không hoàn toàn giống như hậu quả của những trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng. Điều này sẽ gây khó khăn khi áp dụng pháp luật giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 có đưa ra nguyên tắc giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật áp dụng (Điều 45), theo đó thứ tự ưu tiên áp dụng lần lượt là tập quán, tương tự pháp luật, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lẽ công bằng. Tuy nhiên, việc áp dụng như thế nào để giải quyết vấn đề khi chưa có điều luật áp dụng là rất khó khăn đối với Tòa án, đặc biệt là những quan hệ mới phát sinh trong thực tế đời sống xã hội.

Mặt khác, sẽ rất khó khăn trong việc xét xử khi Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tách phần yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật thuộc về những yêu cầu về hôn nhân và gia đình (Điều 29) còn khi giải quyết hậu quả của việc kết hôn trái pháp luật như giao con nuôi, chia tài sản mà có tranh chấp thì lại thuộc những tranh chấp về hôn nhân và gia đình (Điều 28). Về quan hệ nội dung, khi hủy kết hôn trái pháp luật đương nhiên phải kéo theo hậu quả pháp lý, chỉ khi họ không có con, không có tài sản, không có tranh chấp gì và không yêu cầu xử lý thì việc hủy kết hôn trái pháp luật mới đơn thuần giải quyết quan hệ hôn nhân.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH, PHÁP LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; ĐỒNG BỘ, THỐNG NHẤT, KHẢ THI TRONG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, những vụ việc trong chế định kết hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bao gồm hủy kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc kết hôn không đúng thẩm quyền, nam nữ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đã quy định các vụ việc trong chế định kết hôn mà có tranh chấp, bao gồm, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc khi hủy kết hôn trái pháp luật (Điều 28 BLTTDS năm 2015); các vụ việc trong chế định kết hôn mà có yêu cầu đó là hủy việc kết hôn trái pháp luật (Điều 29 BLTTDS năm 2015). Qua đó, chưa có sự tương thích giữa luật nội dung và luật hình thức khi điều chỉnh các vụ việc trong chế định kết hôn. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật nhưng không đề cập đến yêu cầu buộc chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái pháp luật, hoặc yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ chồng. Trong khi đó, trong các vụ việc có tranh chấp thì Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về chia tài sản của nam,

theo đúng nội dung đã được Chính phủ đã được phân cấp tại Điều 6 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP, đề nghị Bộ Tư pháp cần sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng hơn về danh mục các tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng tại địa phương, nhằm đảm bảo cho các địa phương thực hiện đồng bộ, thống nhất.

Trên đây Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 trên địa bàn tỉnh và một số kiến nghị, đề xuất, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K2. *me*



Trần Châu